TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 -7-2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Tùng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Bích**.

2. Ông **Lê Quang Luân**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Diệu Thương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông **Vũ Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/5/2020 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 15, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Hứa Văn B**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị M và anh B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hứa Văn B kết hôn với nhau ngày 22/01/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, đến đầu năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không bàn bạc được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không quan tâm

gì đến nhau nữa. Chị M xác định không còn tình cảm với anh B nữa, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn B.

- Về con chung: Chị và anh Hứa Văn B có 01 con chung là cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hứa Tùng D đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh Hứa Văn B không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Hứa Văn B không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân chị xin ly hôn với anh B. Về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013 đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và vay nợ chung chị và anh B không có gì không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Hứa Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị M kết hôn với nhau ngày 22/01/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên xảy ra cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau và đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị M nữa, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị M.

- Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị M có 01 con chung là cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hứa Tùng D đến khi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị M không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị M không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi anh B cư trú là thôn, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang được biết như sau: Chị Hoàng Thị M và anh Hứa Văn B đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014 tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên,

tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị M về chung sống cùng anh B tại thôn T, xã B đến năm 2017 thì chị M và anh B có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, chị M cũng chuyển về nhà mẹ đẻ tại thành phố Tuyên Quang. Nay chị M có đơn xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị M và anh B có 01 con chung là cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013. Hiện nay cháu D đang ở với bà nội là bà Đinh Thị C tại thôn T, xã B, huyện H. Về tài sản chung, vay nợ chung chị M và anh B không có gì. Anh B hiện nay đang sống chung cùng bố mẹ đẻ là ông Hứa Văn X và bà Đinh Thị C, nhà ông X bà C hiện có có 09 nhân khẩu gồm ông X, bà C và các con, các cháu đang cùng chung sống. Ông X, bà C có công việc chính là làm ruộng, đang sinh sống tại nhà gỗ 4 gian, mái lợp Fibroximang, tường chát xi.

Xác minh tại nơi chị M cư trú là tổ 15, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang được biết như sau: Bà Sầm Thị D (là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị M) đang sinh sống tại căn nhà xây 02 tầng, được xây dựng kiên cố khoảng 4 năm nay. Nhà gần trung tâm phường, gần trường học, bệnh viện, đường xá đi lại thuận tiện. Bà D có 02 người con gái và 01 người con trai. Nhà bà D có 03 nhân khẩu bà D, anh Hoàng Văn G (con trai bà D) và chị Hoàng Thị M. Bà D hiện nay vẫn khỏe mạnh, đi làm thuê tự do, thu nhập hàng ngày đảm bảo phục vụ sinh hoạt.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc với bà Sầm Thị D (mẹ đẻ của chị M) và bà Đinh Thị C (mẹ đẻ của anh B). Các bên trình bày như sau:

Bà D cho biết bà có 01 thổ đất gần nhà hiện đang đứng tên bà. Nếu chị M được quyền nuôi con bà sẽ chuyển nhượng cho chị M mảnh đất để đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc con cái của chị M.

Bà C cho biết như sau: Chị M và anh B sau khi kết hôn thì về chung sống cùng gia đình bà và sinh cháu Hứa Tùng D, sau đó chị M và anh B để cháu D ở nhà và hai vợ chồng cùng nhau đi làm. Khi đi làm, hàng tháng chị M có gửi tiền về cho bà chăm sóc cháu D, số tiền khi thì 1.000.000 đồng, khi thì 2.000.000 đồng và thường xuyên mua quà, quần áo cho con.

Về công việc, thu nhập của chị Hoàng Thị M: Chị Mai hiện nay công việc chính làm công nhân cho Công ty TNHH BHFLEX VINA, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 11.000.000 đồng đến hơn 12.000.000 đồng/1 tháng.

Về công việc, thu nhập chính của anh Hứa Văn B: Trước đây anh B là công nhân tại công ty ở Bắc Ninh. Từ tháng 6 năm 2020 đến nay anh B ở nhà, phụ giúp gia đình công việc nhà nên không xác định được thu nhập bình quân mỗi tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị M với anh Hứa Văn B. Giao cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hứa Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Ngoài ra còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Chị Hoàng Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hứa Văn B nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hứa Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị M và anh Hứa Văn B kết hôn với nhau vào ngày 22/01/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị M và anh B là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh B cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị M. Do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M với anh B là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị Hoàng Thị M và anh Hứa Văn B có 01 con chung là cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hứa Tùng D đến khi trưởng thành; Anh B cũng đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hứa Tùng D. Qua xác minh về điều kiện sống, môi trường

học tập và sinh sống; về công việc và thu nhập thấy rằng chị M có điều kiện đảm bảo tốt hơn cho việc sinh hoạt của cháu D. Mặt khác chị M là mẹ sẽ có điều kiện và kinh nghiệm tốt hơn trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu D, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013 cho chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, thu nhập thực tế của chị M cũng đủ điều kiện để đảm bảo chăm sóc cho cháu D nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị Hoàng Thị M và anh Hứa Văn B xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về vay nợ chung*: Chị Hoàng Thị M và anh Hứa Văn B xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị M với anh Hứa Văn B.

- *Về con chung:* Giao cháu Hứa Tùng D, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Hứa Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàng Thị M và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

- *Về án phí:* Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0002069 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị M đã nộp đủ án phí.

Anh Hứa Văn B không phải nộp án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Hoàng Thị M và anh Hứa Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Yên;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Hương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tùng